TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **119**/2019/DS-PT
Ngày: 15-7-2019
V/v: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và Đòi bồi thường thiệt hại về tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Tuyến**

Các Thẩm phán: Bà **Đỗ Thị Nhung**

Bà **Hoàng Thị Thu Minh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Quốc Bình** – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà **Vũ Thị Mỹ Liên** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và Đòi bồi thường thiệt hại về tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1935.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông N: Ông **Nguyễn Văn N1**, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Tổ M, Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (theo văn bản ủy quyền ngày 16/9/2016).

- *Bị đơn*:

1. Ông **Lê Văn K**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: N, Tổ S, Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K: Luật sư **Nguyễn Thành H** – Thuộc văn phòng Luật sư Nguyễn Thành H – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

2. Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số B, Tổ H, Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Luật sư **Phạm Văn N2** – Thuộc văn phòng Luật sư Như Sơn – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. **Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Huỳnh Ngọc T1** – chức vụ: Chủ tịch UBND xã X.

Địa chỉ: xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông **Ngô Đức T2**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số B, Tổ H, Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà **Võ Thị N3**, sinh năm 1937.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N3: Ông **Nguyễn Văn N1**, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (theo văn bản ủy quyền ngày 03/10/2016).

4. Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: N, Tổ S, Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1: Luật sư **Nguyễn Thành H** – Thuộc văn phòng Luật sư Nguyễn Thành H – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông N là ông Nguyễn Văn N1 và bị đơn ông Lê Văn K, bà Lê Thị T.

(Ông N1, ông K, bà T, ông T2, ông T1 và Hai luật sư có mặt. Bà H1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị N3 do ông Nguyễn Văn N1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Nguyễn Văn N được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 311597 ngày 11/4/2000 đối với các thửa đất số 1078, 1120 và 1222 tờ bản đồ số 59 xã X. Nguồn gốc thửa đất là do ông Nguyễn Văn N nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn Đoài (chết) và bà Nguyễn Thị X vào năm 1987. Sau đó, ông Nguyễn Văn N cho ông Lê Xuân V (chết) mượn thửa đất 1078 canh tác nhưng ông Lê Xuân V lại sang nhượng lại cho ông Lê Văn K.

Đối với thửa đất số 1078 tờ bản đồ số 59 xã X, theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất số 2926/2017 ngày 27/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Xuân Lộc thì ông Lê Văn K là người chỉ dẫn ranh giới lấn luôn qua thửa đất số 1081 và con đường đất. Trên thực tế, thửa đất 1081 và con đường đất do gia đình ông Nguyễn Văn N sử dụng. Do ông Lê Văn K chỉ ranh giới đất không đúng với hiện trạng đất mà ông Lê Văn K đang sử dụng nên ông Nguyễn Văn N chỉ yêu cầu ông Lê Văn K trả lại phần đất mà ông Lê Văn K đang sử dụng theo ranh bản đồ địa chính của năm 1998 làm căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn N. Cụ thể ông Nguyễn Văn N yêu cầu ông Lê

Văn K trả lại phần đất có diện tích 366,9m^2 được giới hạn bởi các mốc: 24,25,26,27,30,31,32,Y,X,33,22, 8,7,N,39,40,…47, 48-24 và diện tích 13,9m^2 được giới hạn bởi các mốc 8,22, 34,T,9-8. Tổng diện tích buộc ông Lê Văn K phải trả lại là 380,8m^2.

Bà Lê Thị T và ông Ngô Đức T2 hiện đang sử dụng phần đất có diện tích 124,2m^2 thuộc thửa đất số 1078 được giới hạn bởi các mốc N,7,8,9, 10,U,V,11,12,J,K,L,M,38-N. Đất này là của ông Nguyễn Văn N nhưng bà Lê Thị T và ông Ngô Đức T2 sau khi thỏa thuận đổi đất lòng suối với Ủy ban nhân dân xã X đã đổ đất lấn qua thửa đất 1078 của ông Nguyễn Văn N. Vì vậy, ông Nguyễn Văn N yêu cầu bà Lê Thị T và ông Ngô Đức T2 trả lại cho ông Nguyễn Văn N phần đất này.

Đối với thửa đất số 1120 và 1222 tờ bản đồ số 59 xã X, theo bản đồ hiện trạng khu đất số 2021/2014 ngày 14/7/2015 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Xuân Lộc thì ông Lê Văn K đang sử dụng phần đất từ ranh giới ông Lê Văn K chỉ dẫn thuộc thửa số 1222 xuống hết thửa đất số 1120. Vì vậy, căn cứ theo bản đồ này ông yêu cầu ông Lê Văn K trả lại cho ông Nguyễn Văn N phần đất có diện tích 21,2m^2 thuộc thửa số 1222 được giới hạn bởi các mốc 23,27,31,30,29-23, diện tích 20,3m^2 thuộc thửa số 1120 được giới hạn bởi các mốc 23,29,28,12,22-23 và diện tích 114,7m^2 còn lại của thửa 1120 được giới hạn bởi các mốc 12,13,14,15,16,17,18,19,20,21,23-12. Tổng diện tích buộc ông Lê Văn K phải trả là 156,2m^2. Đồng thời, ông Nguyễn Văn N yêu cầu ông Lê Văn K bồi thường tiền thiệt hại do ông Lê Văn K đổ đất làm nước mưa chảy qua thửa đất 1120 và thửa đất 1222 gây thiệt hại cho gia đình ông Nguyễn Văn N với số tiền 10.000.000 đồng.

Đối với các khoản chi phí thu thập chứng cứ, đo đạc đất, xem xét thẩm định, định giá tài sản do ông Nguyễn Văn N tạm ứng, ông đề nghị các bên đương sự phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn N theo quy định pháp luật. Ngoài ra ông Nguyễn Văn N không yêu cầu gì khác. Bà Võ Thị N3 là vợ của ông Nguyễn Văn N nên bà Võ Thị N3 thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Văn N, bà Võ Thị N3 không có yêu cầu khởi kiện độc lập mà đứng về phía quyền lợi của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N.

- Bị đơn ông Lê Văn K trình bày:

Phần đất thuộc các thửa đất số 1078, 1120 và 1222 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn N nhưng thuộc quyền sử dụng của ông và hiện nay ông đang sử dụng. Đất có nguồn gốc do ông nhận chuyển nhượng của ông Lê Xuân V từ năm 2004 và sử dụng ổn định đến khi ông Nguyễn Văn N tranh chấp, ông và ông Lê Xuân V không có lập giấy sang nhượng đối với phần đất này nhưng ông Lê Xuân V giao cho ông Giấy sang nhượng đất của ông Nguyễn Văn Nguyên chuyển nhượng cho ông Lê Xuân V trước đó và ông Lê Xuân V có làm giấy xác nhận đất cung cấp cho ông và hiện nay ông Lê Xuân V đã chết. Thửa đất 1222, hiện nay ông đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng có một phần diện tích hiện nay ông Nguyễn Văn N đang sử dụng nhưng cấp nhầm cho ông nhưng ông không có yêu cầu gì với ông Nguyễn Văn N. Ông không lấn chiếm đất như ông Nguyễn Văn N trình bày. Toàn bộ diện tích các thửa

đất nêu trên hiện nay ông đang sử dụng là của ông nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Ông đổ đất trên các thửa số 1118 và 1116 của gia đình và trồng cây làm hàng ranh nên nước mưa chảy theo ranh giới đất giữa thửa đất số 1116, 1118 với thửa 1222 qua cống thoát nước nằm dưới thửa 1120 ra suối, không gây thiệt hại cho đất ông Nguyễn Văn N nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Thửa đất số 1078 bà Lê Thị T và ông Ngô Đức T2 sử dụng có diện tích 124,2m^2 hiện nay ông Nguyễn Văn N đang kiện yêu cầu trả cho ông Nguyễn Văn N. Đất này thuộc thửa 1078 là của ông, tuy nhiên do ông Nguyễn Văn N đã khởi kiện bà Lê Thị T và ông Ngô Đức T2 nên ông không có yêu cầu bà Lê Thị T ông Ngô Đức T2 trả lại phần đất này. Nếu sau này, Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn N thì ông và bà Lê Thị T, ông Ngô Đức T2 sẽ thỏa thuận giải quyết với nhau, nếu phát sinh tranh chấp ông sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

***- Bị đơn bà Lê Thị T trình bày*:**

Theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất số 2926/2017 ngày 27/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Xuân Lộc, thì phần đất vợ chồng bà đang sử dụng thuộc thửa đất số 1078 hiện nay ông Nguyễn Văn N và ông Lê Văn K đang tranh chấp với nhau. Việc vợ chồng bà sử dụng đất này là do đổi đất với Ủy ban nhân dân xã X để nắn dòng suối mới như hiện nay. Thời điểm thỏa thuận đổi đất với Ủy ban nhân dân xã X thì dòng suối cũ nằm sát với đường đi, đất ông Lê Văn K sử dụng có hàng rào giáp với đường đi. Đất đổi với Ủy ban nhân dân xã không thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn K hay ông Nguyễn Văn N vì vậy vợ chồng bà mới chấp nhận đổi đất. Sau khi đổi đất, do đất của vợ chồng bà nằm bên kia dòng suối mới không có đường đi nên ông bà đổ đất lấp dòng suối cũ để sử dụng đồng thời làm lối đi vào phần đất phía trong. Vợ chồng bà đổi đất với Ủy ban nhân dân xã là đổi đất lòng suối không phải đất của ông Nguyễn Văn N hay ông Lê Văn K vì vậy vợ chồng bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N. Ngoài ra vợ chồng bà không có yêu cầu gì khác.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã X do ông Huỳnh Nguyễn Văn Ngọc T1 trình bày*:**

Năm 2017, Ủy ban nhân dân xã X thực hiện chủ trương xây dựng cầu ấp 3 xã X, trong quá trình thiết kế thi công Ủy ban nhân dân xã có thực hiện việc hoán đổi đất với gia đình ông Ngô Đức T2. Cụ thể có lập biên bản làm việc ngày 05/3/2014, nội dung biên bản thể hiện để đảm bảo việc thi công công trình cầu ấp 3, ông Ngô Đức T2 kiến nghị sau khi móc dòng chảy phải có biện pháp chống sạt lở đất cho gia đình ông và phải trả lại diện tích lòng suối cũ để gia đình ông canh tác. Như vậy, đối với việc hoán đổi đất giữa Ủy ban nhân dân xã với gia đình ông Ngô Đức T2 chỉ liên quan đến phần diện tích đất dòng suối, ngoài ra không có liên quan đến các phần diện tích đất khác. Việc ông Nguyễn Văn N yêu cầu gia đình ông Ngô Đức T2 trả lại đất, Ủy ban nhân dân xã X đề nghị Tòa án căn cứ hiện

trạng sử dụng đất và các giấy tờ liên quan đến việc sử dụng đất để giải quyết theo quy định pháp luật.

Về phần diện tích đất con đường công cộng theo các bản đồ hiện trạng sử dụng đất hiện nay hộ ông Nguyễn Văn N đang sử dụng, các diện tích đất này thuộc đất tổ chức nên Ủy ban nhân dân xã không có cơ sở công nhận cho hộ gia đình, cá nhân.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Đức T2 trình bày***: ông thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bị đơn bà Lê Thị T trong quá trình giải quyết vụ án, ông không có yêu cầu khởi kiện độc lập mà đứng về phía quyền lợi của bà Lê Thị T, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N về việc buộc vợ chồng ông trả lại đất. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày***: bà là vợ ông Lê Văn K nên bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông Lê Văn K. Bà không có yêu cầu khởi kiện độc lập mà đứng về phía quyền lợi của ông Lê Văn K và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DSST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N đối với bị đơn ông Lê Văn K.

Buộc ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị H1 trả lại cho ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị N3 quyền sử dụng phần đất diện tích 380,8m^2 thuộc một phần thửa đất số 1078 tờ bản đồ số 59 xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị N3 được quyền sở hữu các cây trồng trên phần đất này.

Buộc ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị H1 trả lại cho ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị N3 quyền sử dụng phần đất diện tích 21,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 1222 tờ bản đồ số 59 xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai .

Buộc ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị H1 trả lại cho ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị N3 quyền sử dụng phần đất diện tích 20,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 1120 tờ bản đồ số 59 xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N đối với bị đơn bà Lê Thị T.

Buộc bà Lê Thị T và ông Ngô Đức T2 trả lại cho ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị N3 quyền sử dụng phần đất diện tích 33,8m^2 thuộc một phần thửa đất số 1078 tờ bản đồ số 59 xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai .

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Văn N thanh toán cho ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị H1 số tiền 2.051.000 đồng (*Hai triệu không trăm năm mươi mốt ngàn đồng*)

Buộc bà Lê Thị T và ông Ngô Đức T2 thanh toán cho ông Nguyễn Văn N số tiền 2.167.000 đồng (*Hai triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn xin thi hành án (*Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật*) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Về án phí: Ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.589.000 đồng (*Ba triệu năm trăm tám mươi chín ngàn đồng*).

Bà Lê Thị T và ông Ngô Đức T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.243.000 đồng (*Hai triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn đồng*.

Bản án còn tuyên về quyền kháng.

* Ngày 04/4/2019, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông N là ông Nguyễn Văn N1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng buộc bị đơn bà Lê Thị T trả lại cho ông diện tích đất 124,2m^2 thuộc thửa số 1078, tờ bản đồ số 59, xã X, huyện X và buộc bị đơn ông Lê Văn K bồi thường cho ông 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

* Ngày 24/3/2019 bị đơn ông Lê Văn K có đơn kháng cáo yêu cầu bác khởi kiện của nguyên đơn.

* Ngày 29/3/2019, bị đơn bà Lê Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N đối với việc yêu cầu bà trả lại diện tích đất 33,8m^2 thuộc thửa đất số 1078, tờ bản đồ số 59, xã X, huyện X.

Quan điểm của Luật sư tham gia phiên tòa bảo vệ quyền lợi cho ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị H1 cho rằng: Án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi thụ lý các đơn khởi kiện bổ sung của ông Nguyễn Văn N1 với tư cách là đại diện của ông Nguyễn Văn N nhưng nội dung ủy quyền của ông N không có ủy quyền cho ông N1 khởi kiện bổ sung. Quyết định của bản án sơ thẩm chưa phù hợp với các chứng cứ khách quan của vụ án, vi phạm quyền lợi hợp pháp của đương sự. Đề nghị HĐXX hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Luật sư tham gia phiên tòa bảo vệ quyền lợi cho bà Lê Thị T cho rằng: Án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Chứng cứ thu thập chưa đủ cơ sở để xác định khách quan của vụ án, vi phạm quyền lợi hợp pháp của đương sự. Đề nghị HĐXX hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩ sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Đại diện VKS tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về kháng cáo của đại diện nguyên đơn là không hợp lệ nên đề nghị HĐXX không xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Kháng cáo của bị đơn chứng cứ, tài liệu thu thập thể hiện: án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, chưa đủ căn cứ để giải quyết vụ án một cách chính xác nên đề nghị HĐXX hủy toàn bộ án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đối với đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn N1, hồ sơ thể hiện: Ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị N3 không ủy quyền cho ông N1 làm đơn kháng cáo nên theo quy định tại khoản 6 Điều 272 Bộ luật Dân sự thì ông N1 không có quyền kháng cáo nên kháng cáo của ông N1 không hợp lệ, không được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn K, bà Lê Thị T làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo của ông K, bà T xét thấy:

[2] Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2012, ông Nguyễn Văn N khởi kiện ông Lê Văn K tranh chấp 300m^2 đất thửa số 1078, tờ bản đồ số 59, xã X với ông Lê Văn K và yêu cầu ông K bồi thường thiệt hại tài sản là 2.000.000đ do đào mương làm nước chảy sang đất ông làm ông không canh tác được. Ngày 10/7/2012 ông N ủy quyền cho ông N1 đứng ra giải quyết tranh chấp đất với ông Lê Văn K – BL 25. Ngày 17/4/2013 thì bà Võ Thị N3 có văn bản ủy quyền cho ông N1 đứng đơn giải quyết tranh chấp đất với ông K thửa số 1078, tớ bản đồ 59, xã X – BL 26. Tại BL 121 thì ngày 09/7/2015, ông N1 có đơn khởi kiện bổ sung tranh chấp với ông K diện tích đất thửa 1120, 1119, 1117. Tại BL 146, 147, đơn đề ngày 23/9/2016, ông N1 khởi kiện bổ sung yêu cầu tranh chấp với ông K thửa 1222,1120, 1119. Cùng ngày 23/9/2016 ông N1 nộp tạm ứng án phí cho yêu cầu khởi kiện bổ sung. Tại BL 162 đơn khởi kiện bổ sung của ông Nguyễn Văn N1 khởi kiện bổ sung tranh chấp với bà Lê Thị T tranh chấp thửa đất số 1078. Tại BL 164, 165 thì các ngày 16/9/2016 và 03/10/2016 bà N3, ông N ủy quyền cho ông N1 đứng ra giải quyết tranh chấp đất với bà T thửa 1078. Như vậy, bà N3 và ông N cũng không ủy quyền cho ông N1 khởi kiện với bà T. Việc Tòa án thụ lý yêu cầu theo đơn khởi kiện bổ sung của ông N1 trong khi ông N chưa khởi kiện tranh chấp các thửa đất 1122, 1120, 1119, ông N không có đơn khởi kiện với bà T nên ông N1 khởi kiện là vượt quá phạm vi được ủy quyền. Các thửa đất khởi kiện bổ sung chưa được hòa giải ở địa phương theo quy định của Điều 203 Luật đất đai, là

chưa đủ điều kiện khởi kiện. Cấp sơ thẩm thụ lý là vi phạm Điều 86, 192 Bộ luật tố tụng dân sự, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[3] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn N nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ ông N gồm những ai để đưa họ tham gia tố tụng. Tại cấp phúc thẩm, ông N1 xác định hộ sử dụng đất gồm cha mẹ ông, ông và chị gái ông. Cấp sơ thẩm không làm rõ để đưa họ tham gia tố tụng là bỏ sót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[4] Về nội dung giải quyết tranh chấp: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho yêu cầu khởi kiện của mình ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì nguyên đơn chưa cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất tranh chấp là của mình. Chủ cũ và các nhân chứng ở địa phương đều xác định đất tranh chấp không phải đất do nguyên đơn nhận chuyển nhượng theo giấy tờ chuyển nhượng nguyên đơn cung cấp. Nguyên đơn cũng chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh quá trình thực tế quản lý, sử dụng và thực hiện các quyền của người sử dụng đất, định đoạt tài sản trên đất trước khi tranh chấp cũng như chưa chứng minh được việc cho ông Lê Xuân V mượn canh tác.

[5] Nếu có căn cứ cho rằng đất tranh chấp là của hộ ông N thì cấp sơ thẩm cũng chưa thu thập chứng cứ làm rõ phần đất tranh chấp ông K, bà T có đổ đất san lấp không, khối lượng, giá thành bao nhiêu. Phần bờ kè bà T làm có thuộc đất tranh chấp không, giá trị bao nhiêu. Ông K bà T san lấp đất thời gian nào. Khi ông K, bà T san lấp đất, gia đình ông N có ý kiến gì không.

Do án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, chưa đủ căn cứ để giải quyết vụ án một cách chính xác nên phải hủy toàn bộ án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Quan điểm của các Luật sư và đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với chứng cứ đã thu thập và quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Ông N1, bà T, ông K không phải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

Áp dụng khoản 3 Điều 308 BLTTDS;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn K và bà Lê Thị T.

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DSST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xét xử về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và Đòi bồi thường thiệt hại về tài sản"* giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn N với bị đơn Lê Văn K, bà Lê Thị T.

Chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Về án phí:

Ông Nguyễn Văn N, ông Lê Văn K, bà Lê Thị T không phải chịu án phí DSPT. Hoàn trả ông Nguyễn Văn N, ông Lê Văn K, bà Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp 300.000đ tại các biên lai thu số 007308 ngày 04/4/2019,

số 007297 ngày 01/4/2019, số 007293 ngày 29/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Hồng Tuyến